

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 703/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh
2. Ông Hồ Lê Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Hồng Dân – *Kiểm sát viên.*

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 107/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 588/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thúy H - sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Vũ Cao T – sinh năm 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: Phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 /02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Bùi Thúy H trình bày:

Bà và ông Vũ Cao T tự nguyện đến với nhau. Hai bên có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 12 quyển số 01/03 ngày 24/01/2003. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại nhà số 11/52 A, phường T, quận Tân Phú được 03 tháng thì bà chuyển về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Ông T vẫn sinh sống tại địa chỉ trên. Thỉnh thoảng ông T vẫn qua lại sinh sống cùng bà tại nhà cha mẹ của bà. Thời gian đầu vợ chồng sinh sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, trong cách giáo dục con, cãi vã. Thực tế tổng cộng thời gian vợ chồng sống chung nhà với nhau được khoảng 02 năm. Ông T có nhà riêng trước khi kết hôn với bà nhưng vẫn không để cho vợ con ở, mà để nhà cho thuê. Việc ông T cho thuê nhà cũng không có sự bàn bạc, thỏa thuận với bà, tiền thuê nhà ông T tự sử dụng riêng. Vợ chồng ít chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống, thiếu sự quan tâm đến gia đình. Đôi khi bà muốn nói chuyện, trao đổi công việc hay nói chuyện về con chung với ông T nhưng ông T nại lý do bận đi làm, đi học nên vợ chồng rất ít nói chuyện và cũng không gặp nhau. Ông T có lời lẽ thiếu sự tôn trọng đối với bà cũng như cha mẹ của bà, xúc phạm danh dự của bà trước mặt con. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng không sống chung nhà từ lâu, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình không quan tâm gì đến nhau. Do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Vũ Cao T trình bày:

Ông T không đồng ý viết bản tự khai mà chỉ đồng ý trình bày bằng lời nói, ông xác định vợ chồng tự nguyện đến với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn đúng như bà H trình bày. Ông mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm gia đình. Ông đề nghị bà H suy nghĩ lại và sửa đổi tính tình để ông có thời gian khắc phục những khuyết điểm của mình. Ông luôn cố gắng nỗ lực để làm tròn trách nhiệm của một người chồng, người cha. Bản thân ông nhận thấy vẫn còn thương vợ, thương con, không rượu chè cờ bạc, sống mầu mực, là người chồng, người cha gương mẫu. Ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng để ly hôn. Ông sẽ tự khắc phục những khuyết điểm của bản thân. Ông không đồng ý ly hôn nên không viết bản khai đề nộp cho Tòa án. Thực tế thời gian vợ chồng sống chung nhà được khoảng 05 năm. Bà H sống ở nhà cha mẹ bà H nhưng thỉnh thoảng ông vẫn qua lại. Hiện nay ông và bà H không sống chung nhà. Ông không muốn ly hôn vì sợ sẽ ảnh hưởng đến con cái, gia đình hai bên, họ hàng và bạn bè. Ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Về quan hệ con chung: Ông bà có 01 con chung tên Vũ Tòng X sinh ngày 26/11/2003. Khi ly hôn bà H đồng ý giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà không đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Ông T cũng đồng ý vì hiện tại con chung đang do ông trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết : Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn”. Do bị đơn cư trú tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Thời hạn tố tụng: Vụ án thụ lý hơn 05 tháng nhưng Thẩm phán chưa ban hành quyết định gia hạn thời hạn giải quyết, tuy nhiên việc vi phạm này không ảnh hưởng nghiêm trọng đến vụ án, do đó Viện kiểm sát kiến nghị rút kinh nghiệm.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Căn cứ lời khai và các chứng cứ thu thập được thể hiện vợ chồng bà H, ông T chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Thực tế vợ chồng không sống chung nhà, thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, do đó yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung : Bà H và ông T có 01 con chung tên Vũ Tòng X sinh ngày 26/11/2003. Bà H đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Ông T cũng đồng ý nuôi con chung. Hiện con chung tên X đang sinh sống cùng ông T và có nguyện vọng muốn ở với ông T, Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu yêu cầu của bà H giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà khai không có và không nợ ai nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Bùi Thúy H, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn”. Do ông T hiện đang cư ngụ tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 12 quyển số 01/03 do Ủy ban nhân dân Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/01/2003, thì quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thúy H và ông Vũ Cao T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Bà H nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Căn cứ vào chứng cứ, lời khai của các bên trong quá trình giải quyết vụ án, kết quả xác minh tại địa phương cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện trong thời sống chung giữa bà H và ông T có xảy ra mâu thuẫn, điều này ông T cũng thừa nhận. Bà H và ông T có thời gian sống chung với nhau rất ngắn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Hiện bà H và ông T không sống chung nhà, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không quan tâm chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không có hạnh phúc. Mặt khác, ông T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp để khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua đó cho thấy vợ chồng không có thiện chí hàn gắn tình cảm.

Xét thấy, tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Thực tế bà H và ông T không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông T là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Xét, bà H yêu cầu giao con chung Vũ Tòng X sinh ngày 26/11/2003 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà không đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Ông T cũng đồng ý. Ông T và bà H đều thừa nhận hiện con chung là trẻ X đang sinh sống cùng ông T tại nhà số 22 A, phường T, quận T. Mặt khác, em X có nguyện vọng mong muốn được sống cùng ông T. Do đó để tránh xự xáo trộn về tâm lý cũng như nơi ở của trẻ. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà khai không có và không nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thúy Hồng.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thúy H được ly hôn với ông Vũ Cao T. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12 quyển số 01/03 do Ủy ban nhân dân Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/01/2003 chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Vũ Tòng X sinh ngày 26/11/2003 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà H do ông T chưa có yêu cầu.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Ông T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp bà H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà H.

Trong trường hợp ông T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, bà H hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung : Ông bà xác nhận không có và không nợ ai.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đồng bà Bùi Thúy H chịu được trừ vào số tiền 300.000đồng mà bà H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0020567 ngày 18/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.Tân Phú ;
- Chi cục THA DS Q.Tân phú ;
- UBND Phường F, Q.T
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương